

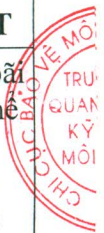
Số: 166 /TB-QTMT

Quảng Bình, ngày 15 tháng 6 năm 2016

THÔNG BÁO
Kết quả quan trắc chất lượng nước biển ven bờ
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Ngày 14 tháng 6 năm 2016, Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục thực hiện quan trắc, phân tích nhằm đánh giá diễn biến chất lượng nước biển ven bờ tại 05 điểm gồm bãi biển Quảng Phú, bãi tắm Quảng Thọ, bãi tắm Đá Nhảy, bãi tắm Nhật Lệ và bãi tắm Hải Ninh đồng thời gửi mẫu cho Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Trị phân tích một số chỉ tiêu. Kết quả quan trắc, phân tích như sau:

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị tính	Kết quả quan trắc					QCVN 10-MT:2015/BTNMT	
			B1	B2	B3	B4	B5	Vùng nuôi trồng thủy sản, bảo tồn thủy sinh	Vùng bãi tắm, thể thao dưới nước
I	Kết quả quan trắc, phân tích Quảng Bình ngày 14/6/2016								
a	Kết quả quan trắc, phân tích buổi sáng								
1	Nhiệt độ	°C	28,2	28,9	29,6	29,5	31,4		
2	pH		8,3	8,2	8,3	8,1	8,3	6,5-8,5	6,5-8,5
3	Ôxy hoà tan (DO)	mg/l	7,16	7,12	7,15	7,09	7,13	≥ 5	≥ 4
4	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	32,0	23,0	17,0	29,0	21,0	50	50
5	Amôni (NH ⁺ ₄ tính theo N)	mg/l	0,03	0,04	0,04	< 0,025	0,03	0,1	0,5
6	Florua (F ⁻)	mg/l	1,45	1,46	1,46	1,45	1,44	1,5	1,5
7	Asen (As)	mg/l	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	0,02	0,04
8	Cadimi (Cd)	mg/l	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	0,005	0,005
9	Chì (Pb)	mg/l	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	0,05	0,05
10	Kẽm (Zn)	mg/l	0,03	< 0,01	0,02	0,01	< 0,01	0,5	1,0
11	Sắt (Fe)	mg/l	0,48	0,46	0,48	0,47	0,44	0,5	0,5
b	Kết quả quan trắc, phân tích buổi chiều								
1	Nhiệt độ	°C	31,6	31,2	30,6	29,3	28,6		
2	pH		8,1	8,0	8,2	8,2	8,2	6,5-8,5	6,5-8,5
3	Ôxy hoà tan (DO)	mg/l	7,08	7,06	7,14	7,11	7,10	≥ 5	≥ 4



4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	29,0	20,0	15,0	27,0	19,0	50	50
5	Amôni (NH ⁺ ₄) (tính theo N)	mg/l	0,03	< 0,025	< 0,025	0,03	< 0,025	0,1	0,5
6	Florua (F ⁻)	mg/l	1,45	1,47	1,44	1,46	1,44	1,5	1,5
7	Asen (As)	mg/l	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	0,02	0,04
8	Cadimi (Cd)	mg/l	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	0,005	0,005
9	Chì (Pb)	mg/l	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	0,05	0,05
10	Kẽm (Zn)	mg/l	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	0,5	1,0
11	Sắt (Fe)	mg/l	0,49	0,46	0,45	0,47	0,47	0,5	0,5
II	Kết quả quan trắc, phân tích do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị thực hiện (mẫu gửi chiều ngày 14/6/2016)								
a	Kết quả quan trắc, phân tích buổi sáng								
1	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	0,2	0,3
2	Xyanua (CN ⁻)	mg/l	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,01	0,01
3	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,02	0,05
4	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,2	0,5
5	Thủy ngân(Hg)	mg/l	<0,89x10 ⁻³	<0,89x10 ⁻³	<0,89x10 ⁻³	<0,89x10 ⁻³	<0,89x10 ⁻³	0,001	0,002
6	Mangan (Mn)	mg/l	0,07	0,08	0,05	0,09	0,11	0,5	0,5
7	Tổng Crom	mg/l	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	0,1	0,2
b	Kết quả quan trắc, phân tích buổi chiều								
1	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	0,2	0,3
2	Xyanua (CN ⁻)	mg/l	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	< 0,002	0,01	0,01
3	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	< 0,003	0,02	0,05
4	Đồng (Cu)	mg/l	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	< 0,10	0,2	0,5
5	Thủy ngân(Hg)	mg/l	<0,89x10 ⁻³	<0,89x10 ⁻³	<0,89x10 ⁻³	<0,89x10 ⁻³	<0,89x10 ⁻³	0,001	0,002
6	Mangan (Mn)	mg/l	0,05	0,09	0,09	0,05	0,09	0,5	0,5
7	Tổng Crom	mg/l	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	< 0,1	0,1	0,2

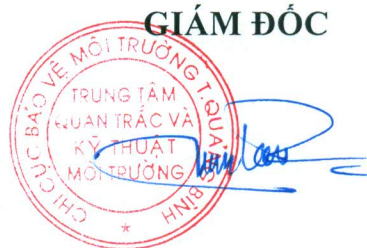
- Ghi chú: - B1: Vị trí quan trắc tại bãi biển Quảng Phú, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch
- B2: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Quảng Thọ, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn
- B3: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Đá Nhảy, xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch
- B4: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới
- B5: Vị trí quan trắc tại bãi tắm Hải Ninh, xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh

Kết quả quan trắc, phân tích ở trên so sánh với QCVN 10-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước biển phục vụ mục đích thể thao, giải trí dưới nước, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ môi trường biển và các mục đích khác, cho thấy 18 chỉ tiêu phân tích trong các mẫu nước được quan trắc đều có giá trị đạt Quy chuẩn cho phép và phù hợp với kết quả quan trắc, phân tích do Trung tâm Quan trắc môi trường - Tổng cục Môi trường thực hiện được công bố tại Website: vea.gov.vn.

Nay, Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường công bố kết quả quan trắc để các địa phương và nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- Tổng cục MT;
- Website UBND tỉnh;
- Sở TNMT;
- Chi cục BVMT;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PT-TH Quảng Bình;
- Báo Quảng Bình;
- Lưu VT.



Lê Anh Tuấn





T NG H P K T Q U QU AN TR C CH T L NG N C B I N VEN B 04 T NH MI N TRUNG

(Ngày 12 tháng 6 n m 2016)

1. K t q u quan tr c ch t l ng n c b i n ven b trên à bàn t nh Hà T nh

STT	Thông s	n v	Bãi t m Xuân Thành	Bãi t m Xuân H i	Bãi t m Th ch H i	Bãi t m Thiên C m	Bãi t m K Ninh	Bãi t m M i ao	Bãi t m K Xuân	QCVN 10- MT: 2015/BTNMT
										Vùng bãi t m, th thao d i n c
Ngày l y m u			12/6/2016	12/6/2016	12/6/2016	12/6/2016	12/6/2016	12/6/2016	12/6/2016	
1.	Nhi t	°C	32,8	33,5	30,2	30,8	31,7	31,4	31,0	-
2.	pH		8,2	8,1	8,3	8,3	8,3	8,1	8,3	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	7,4	7,1	6,7	7,2	6,9	7,1	7,3	4,0
4.	c	NTU	2,5	3,2	3,0	2,3	7,6	2,0	3,9	-
5.	TSS	mg/L	19	26	21	15	38	13	28	50
6.	N - NH ₄ ⁺	mg/L	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	<0,06	0,5
7.	P - PO ₄ ³⁻	mg/L	<0,01	0,01	<0,01	<0,01	<0,01	<0,01	0,01	0,3
8.	Mn	mg/L	<0,1	<0,1	<0,1	<0,1	0,14	<0,1	<0,1	0,5
9.	As	mg/L	0,005	0,003	<0,003	0,004	<0,003	<0,003	0,003	0,04
10.	Fe	mg/L	<0,2	0,25	<0,2	0,22	0,37	<0,2	<0,2	0,5
11.	CN ⁻	mg/L	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	0,01
12.	Coliform	Vi khu n/ 100mL	280	47	140	190	310	68	25	1.000



2. Kết quả quan trắc chất lượng nước bề mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

STT	Thông số	Đơn vị	Bãi tắm Quảng Phú, Quảng Phú, Quảng Trạch		Bãi tắm Nhật Lệ, TP. Hà Tĩnh		Bãi tắm Á Nhật, Thanh Trạch, Bình Trạch		Bãi tắm Hới Ninh, Hới Ninh, Quảng Ninh		QCVN 10-MT: 2015/BTNMT Vùng bãi tắm, thể thao dân dụng
			Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	
Ngày lấy mẫu			12/6/2016		12/6/2016		12/6/2016		12/6/2016		
1.	Nhiệt độ	°C	29,2	28,4	28,2	29,2	28,1	30,4	27,5	29,5	-
2.	pH		8,2	8,1	8,2	8,1	8,2	8,2	8,2	8,1	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	6,73	6,68	7,08	7,02	7,16	7,16	7,13	7,08	4,0
4.	TSS	mg/L	27,0	21,0	25,0	27,0	23,0	19,0	17,0	12,0	50
5.	N-NH ₄ ⁺	mg/L	0,03	0,03	0,04	< 0,025	< 0,025	< 0,025	< 0,025	< 0,025	0,5
6.	F ⁻	mg/L	1,46	1,47	1,44	1,44	1,45	1,46	1,42	1,44	1,5
7.	As	mg/L	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	0,04
8.	Cd	mg/L	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	0,005
9.	Pb	mg/L	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	0,05
10.	Zn	mg/L	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	< 0,01	1,0
11.	Fe	mg/L	0,49	0,35	0,31	0,24	0,40	0,29	0,28	0,24	0,5



K t qu quan tr c h t l ng n c bi n ven b trên a bàn t nh Qu ng Bình (ti p)

STT	Thông s	n v	Bãi t m Qu ng Th , Qu ng Th , Ba ôn		QCVN 10-MT: 2015/BTNMT
Ngày l y m u			12/6/2016		Vùng bãi t m, th thao d i n c
			Sáng	Chi u	
1.	Nhi t	⁰ C	28,9	30,5	-
2.	pH		8,2	8,1	6,5 ÷ 8,5
3.	DO	mg/L	7,10	7,08	4,0
4.	TSS	mg/L	12,0	14,0	50
5.	N-NH ₄ ⁺	mg/L	< 0,025	< 0,025	0,5
6.	F ⁻	mg/L	1,45	1,45	1,5
7.	As	mg/L	<1,84x10 ⁻³	<1,84x10 ⁻³	0,04
8.	Cd	mg/L	<0,31x10 ⁻³	<0,31x10 ⁻³	0,005
9.	Pb	mg/L	<1,22x10 ⁻³	<1,22x10 ⁻³	0,05
10.	Zn	mg/L	< 0,01	< 0,01	1,0
11.	Fe	mg/L	0,29	0,28	0,5



4. Kết quả quan trắc chất lượng nước bề mặt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

STT	Thông số	Đơn vị	Bãi tắm Lăng Cô		Bãi tắm Cảnh Dương		Bãi tắm Thuận An		Bãi tắm Quảng Ngạn		QCVN 10-MT: 2015/BTNMT Vùng bãi tắm, thoả thuận
			Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	
Ngày lấy mẫu			12/6/2016		12/6/2016		12/6/2016		12/6/2016		
1.	Nhiệt độ	°C	30,1	29,9	29,5	29,7	29,4	29,2	29,1	29,4	-
2.	pH		8,1	8,1	8,3	8,2	8,2	8,1	8,1	8,1	6,5 ÷ 8,5
3.	EC	mS/cm	46,1	45,8	45,8	45,9	46,0	45,7	45,8	45,9	-
4.	TDS	g/L	27,6	27,7	28,0	27,4	27,9	27,5	27,7	27,6	-
5.	DO	mg/L	5,2	5,2	5,4	5,4	5,2	5,4	5,1	5,1	4,0
6.	Độ đục	NTU	<1	<1	<1	5	4	<1	4	4	-
7.	TSS	mg/L	<2,0	<2,0	<2,0	5,0	<2,0	2,0	4,5	<2,0	50
8.	N - NH ₄ ⁺	mg/L	0,080	0,089	0,024	0,030	0,052	0,084	0,046	0,055	0,5
9.	N-NO ₂ ⁻	mg/L	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	<0,009	-
10.	P - PO ₄ ³⁻	mg/L	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	<0,016	0,3
11.	Fe	mg/L	<0,09	<0,09	<0,09	<0,09	<0,09	0,09	<0,09	<0,09	0,5
12.	Tổng phenol	mg/L	<0,005	KPT	<0,005	KPT	0,015	KPT	<0,005	KPT	0,03
13.	Hg	mg/L	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴	<4,6.10 ⁻⁴	0,002

* KPT: không phân tích

Kết quả quan trắc chất lượng nước bề mặt nêu trên do Trung tâm Quan trắc môi trường địa phương phối hợp với các Trung tâm Quan trắc môi trường quốc gia thực hiện tại các bãi tắm trên địa bàn 04 tỉnh: Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Qua so sánh, chỉ số chất lượng nước tại các bãi tắm này đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước bề mặt (QCVN 10-MT:2015/BTNMT) cho thấy, chất lượng nước tại các bãi tắm này đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước bề mặt, thoả thuận.